

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ XÂY LẮP ĐIỆN HÀ NỘI**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ XÂY LẮP ĐIỆN HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HANOI TRADING SERVICES AND POWER CONSTRUCTION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: PCCH

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109140301

**3. Ngày thành lập:** 23/03/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 123 ngõ 68 đường Phú Diễn, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0981.790.895

Fax:

Email:

Website: [pcch.com.vn](http://pcch.com.vn)

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                  | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                                                                                                                  | 2620        |
| 2.  | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                                                                         | 2640        |
| 3.  | Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển                                                                                                                             | 2651        |
| 4.  | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                                                                                                                          | 2740        |
| 5.  | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                                                                                  | 2750        |
| 6.  | Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)                                                                                              | 2817        |
| 7.  | Sản xuất máy thông dụng khác                                                                                                                                                               | 2819        |
| 8.  | Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp                                                                                                                                                     | 2821        |
| 9.  | Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại                                                                                                                                              | 2822        |
| 10. | Sản xuất máy luyện kim                                                                                                                                                                     | 2823        |
| 11. | Sản xuất máy chuyên dụng khác                                                                                                                                                              | 2829        |
| 12. | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                                                                                                                                                     | 3311        |
| 13. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                 | 3312        |
| 14. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                     | 3313        |
| 15. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                     | 3314        |
| 16. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                    | 3320        |
| 17. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                   | 4221(Chính) |
| 18. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, công trình hạ tầng kỹ thuật | 4299        |
| 19. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                      | 4321        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 20. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện                                                                                                                                                                           | 4649 |
| 21. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                     | 4651 |
| 22. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                      | 4652 |
| 23. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                  | 4653 |
| 24. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)         | 4659 |
| 25. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                 | 4663 |
| 26. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; Bán buôn cao su; Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;                                | 4669 |
| 27. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                  | 4741 |
| 28. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                               | 4742 |
| 29. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi;<br>- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng;<br>- Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô; | 4932 |
| 30. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                                                                    | 4933 |
| 31. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                   | 6201 |
| 32. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                     | 6202 |
| 33. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                                                         | 6209 |
| 34. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                                      | 6311 |
| 35. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư;                                                                                                                                                                         | 6619 |
| 36. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên                                                                                                                                                                                            | 7211 |
| 37. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ                                                                                                                                                                               | 7212 |
| 38. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược                                                                                                                                                                                             | 7213 |
| 39. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp                                                                                                                                                                                         | 7214 |
| 40. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                               | 7310 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 41. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Dịch vụ chuyển giao công nghệ                                                                                                                                                                             | 7490 |
| 42. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: - Thiết kế xây dựng công trình;<br>- Chuẩn bị và thực hiện các dự án liên quan đến kỹ thuật điện và điện tử, kỹ thuật khai khoáng, công nghiệp và nhiều hệ thống, kỹ thuật an toàn;                                           | 7110 |
| 43. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển<br>- Cho thuê thiết bị đo lường và điều khiển,<br>- Cho thuê máy móc công nghiệp, thương mại và khoa học khác; | 7730 |
| 44. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                      | 8230 |
| 45. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                     | 9512 |
| 46. | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng<br>(Doanh nghiệp được kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật và phải đảm bảo đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động)                                               | 9521 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: TRẦN THỊ NGỌC

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 12/03/1995

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 142769128

Ngày cấp: 20/12/2012

Nơi cấp: Công an tỉnh Hải Dương

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tổ dân phố Mật Sơn, Phường Chí Minh, Thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Tổ dân phố Mật Sơn, Phường Chí Minh, Thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội